

1

Jj



JAM (n)
/dʒæm/
Mứt

I eat bread with **jam**.
Tôi ăn bánh mì với mứt.

2

Jj



JACKET (n)
/dʒækɪt/
Áo khoác

People wear **jackets** in the winter.

3

Jj



JET (n)
/dʒet/
Máy bay phản lực

The **jet** can fly very fast.

4

Jj



JUICE (n)
/dʒus/
Nước ép hoa quả

Juice is my favourite drink.

5

Jj



JELLYFISH (n)
/dʒelɪfɪʃ/
Con sứa

Jellyfish look like umbrellas.

6

Jj



JELLY (n)
/dʒeli/
Thạch rau câu

Jelly is yummy.

LIVEWORKSHEETS